

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Báo cáo tài chính

Năm tài chính 2025

(Đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc

1

Báo cáo kiểm toán độc lập

3

Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

4

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

7

Thuyết minh báo cáo tài chính

8

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Vi Văn Chung	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Chí Công	Thành viên	
Ông Đỗ Văn Trung	Thành viên	
Ông Phạm Công Hợp	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2025
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/03/2025

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Lê Thị Thà	Trưởng ban kiểm soát	
Bà Đỗ Thị Thanh Huyền	Thành viên	
Ông Trần Việt Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2025
Bà Vương Thị Hường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/03/2025

Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Vi Văn Chung	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Chí Công	Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Trường	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/08/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính 2025 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vi Văn Chung	Chủ tịch HĐQT

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty,



Vi Văn Chung
Chủ tịch HĐQT

Lai Châu, ngày 10 tháng 01 năm 2026

Số: 25009/TASIC-KT

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10/01/2026, từ trang 4 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Trần Huy Chiêu**

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1994-2023-258-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn đầu tư Thăng Long

Kiểm toán viên**Thái Khắc Hải**

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2342-2023-258-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 - DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.204.327.789	24.075.975.089
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		72.575.378	235.868.423
1. Tiền	111	V.1	72.575.378	235.868.423
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	17.367.517.735	13.052.531.194
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		17.367.517.735	13.052.531.194
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.872.438.213	3.628.561.835
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	3.391.646.743	1.846.172.037
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	325.801.000	31.777.405
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.212.142.726	2.807.764.649
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.3	(1.057.152.256)	(1.057.152.256)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	4.669.355.085	6.223.206.339
1. Hàng tồn kho	141		4.669.355.085	6.223.206.339
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		222.441.378	935.807.298
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	222.441.378	319.457.905
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	616.349.393
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		209.876.162.332	212.128.856.005
II. Tài sản cố định	220		205.854.305.545	208.101.436.421
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	205.854.305.545	208.101.436.421
<i>Nguyên giá</i>	222		361.815.370.099	345.338.097.711
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(155.961.064.554)	(137.236.661.290)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	0	0
<i>Nguyên giá</i>	228		479.800.000	479.800.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(479.800.000)	(479.800.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	431.229.112	1.179.352.853
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		431.229.112	1.179.352.853
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.590.627.675	2.848.066.731
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	3.590.627.675	2.848.066.731
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		237.080.490.121	236.204.831.094

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 - DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		19.760.786.611	19.002.828.214
I. Nợ ngắn hạn	310		19.730.086.611	18.972.128.214
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	6.719.882.599	6.051.542.913
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.342.025.038	1.334.519.117
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	423.571.967	596.343.107
4. Phải trả người lao động	314		1.981.345.979	1.474.250.706
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	162.954.572	326.359.762
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	9.066.903.130	9.175.573.032
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	10.105.839	0
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.297.487	13.539.577
II. Nợ dài hạn	330		30.700.000	30.700.000
1. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		30.700.000	30.700.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		217.319.703.510	217.202.002.880
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	217.319.703.510	217.202.002.880
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		215.865.140.000	215.865.140.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.852	8.852
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(200.000.000)	(200.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		955.172.286	832.832.556
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		699.382.372	704.021.472
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		287.484.483	304.248.574
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		411.897.889	399.772.898
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		237.080.490.121	236.204.831.094

Lai Châu, ngày 10 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Phạm Văn Dũng

Đỗ Thuý An

Vi Văn Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B02 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	47.775.293.688	45.409.664.538
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		47.775.293.688	45.409.664.538
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	39.818.571.844	37.017.871.191
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.956.721.844	8.391.793.347
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	648.213.365	513.678.039
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.037.963	5.762.412
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.037.963	5.762.412
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	173.612.649	122.796.000
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.849.954.528	8.260.011.612
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		577.330.069	516.901.362
10. Thu nhập khác	31	VI.7	23.689.779	17.223.112
11. Chi phí khác	32	VI.8	86.948.585	27.526.682
12. Lợi nhuận khác	40		(63.258.806)	(10.303.570)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		514.071.263	506.597.792
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	102.173.374	106.824.894
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		411.897.889	399.772.898

Lai Châu, ngày 10 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Phạm Văn Dũng

Kế toán trưởng

Đỗ Thuý An

Chủ tịch HĐQT



Vi Văn Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B03 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	514.071.263	506.597.792
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	18.724.403.264	17.181.677.635
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(648.213.365)	(513.678.039)
Chi phí lãi vay	06	4.037.963	5.762.412
Các khoản điều chỉnh khác	07	113.601.842	488.020.106
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	18.707.900.967	17.668.379.906
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(508.947.764)	571.796.697
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.553.851.254	(587.050.208)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	633.686.529	1.870.715.124
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(645.544.417)	(1.693.768.320)
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.037.963)	(5.762.412)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(160.884.895)	(180.595.138)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	47.799.910	42.845.912
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(38.042.000)	(882.030.361)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	19.585.781.621	16.804.531.200
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.729.148.647)	(16.995.561.267)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.705.262.424)	(6.043.779.359)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.390.275.883	3.635.016.628
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	529.634.144	412.258.930
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.514.501.044)	(18.992.065.068)
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.301.396.939	1.912.073.236
2. Tiền chi trả gốc vay	34	(1.291.291.100)	(1.912.073.236)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(244.679.461)	(235.475.474)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(234.573.622)	(235.475.474)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(163.293.045)	(2.423.009.342)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	235.868.423	2.658.877.765
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	72.575.378	235.868.423

Lai Châu, ngày 10 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Phạm Văn Dũng

Đỗ Thuý An



Vi Văn Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu, được thành lập theo Quyết định số 138/QĐ-UB ngày 31/03/2004 của Ủy ban Nhân dân Lâm thời tỉnh Lai Châu. Công ty được chuyển đổi cổ phần hoá thành Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 6200000230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp ngày 05/01/2016; Đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 09/07/2025.

- Tên giao dịch bằng tiếng anh: LAI CHAU CLEAN WATER JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
- Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 215.865.140.000 VND.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam.

Vốn thực góp tính đến thời điểm 31/12/2025 là **215.865.140.000 VND** (Hai trăm mười lăm tỷ, tám trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng Việt Nam).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Gia công cơ khí; Xử lý tráng phủ kim loại;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải.

Trong năm tài chính 2025, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, không có sự kiện đặc biệt về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường hoặc các sự kiện lớn khác có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty không có công ty con, công ty liên doanh liên kết hoặc đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

7. Nhân viên

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 133 nhân viên đang làm việc (Tại ngày 31/12/2024 là 138 nhân viên).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp” đã được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chí.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Trung tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu về tiền giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Được phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên;

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận trong Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của từng mặt hàng tồn kho.

6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-50
Máy móc và thiết bị	06-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04-08
Hệ thống cấp nước và tài sản cố định khác	20-25

7. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và cần kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Đối với chi phí thay đồng hồ nước theo định kỳ, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phát sinh, trừ khoản chi phí đi vay liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở dang đủ điều kiện được vốn hoá theo như quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo này để đảm bảo các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh. Các khoản chi phí này được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Phân phối lợi nhuận:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.
- Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Hội đồng cổ đông thông qua.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu bán hàng: được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Doanh thu bán nước sạch: Đối với hoạt động cung cấp nước sạch là số tiền cung cấp nước sạch ghi trên hóa đơn tính tiền hàng tháng. Doanh thu bán nước sạch được xác định trên cơ sở và khối lượng nước tiêu thụ hàng tháng (theo chỉ số đồng hồ nước đo được của từng khách hàng tại thời điểm cuối tháng) nhân với biểu giá tiền nước do Công ty công bố trên website <https://capnuoclaichau.com.vn> theo từng giai đoạn.

Biểu giá tiền nước do Công ty công bố trên website <https://capnuoclaichau.com.vn> đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu của hoạt động tài chính được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác: Thu nhập được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Năm 2025, Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN 17% đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền	72.575.378	235.868.423
Tiền mặt tại quỹ	18.291.476	193.097.526
Tiền gửi ngân hàng	54.283.902	42.770.897
Các khoản tương đương tiền	0	0
Cộng	72.575.378	235.868.423

2. Các khoản đầu tư tài chính

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	17.367.517.735	0	13.052.531.194	0
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	17.367.517.735	0	13.052.531.194	0
Dài hạn	0	0	0	0
Cộng	17.367.517.735	0	13.052.531.194	0

(*) Bao gồm các hợp đồng tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng với lãi suất tiền gửi từ 2,9% - 5,45%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	3.391.646.743	1.057.152.256	1.846.172.037	1.057.152.256
Doanh nghiệp tư nhân Đức Cường	1.002.346.889	1.002.346.889	1.002.346.889	1.002.346.889
Công ty TNHH Một thành viên Phương Thảo	1.912.863.048	0	508.130.823	0
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Quý Phú	153.383.262	0	112.702.578	0
Các khách hàng còn lại	323.053.544	54.805.367	222.991.747	54.805.367
b. Dài hạn	0	0	0	0
Cộng	3.391.646.743	1.057.152.256	1.846.172.037	1.057.152.256

Trong đó:

c. Các bên liên quan	0	0	0	0
-----------------------------	----------	----------	----------	----------

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	325.801.000	0	31.777.405	0
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn đầu tư Thăng Long	27.500.000	0	29.700.000	0
Công ty cổ phần kỹ thuật Á Châu	292.000.000	0	0	0
Công ty TNHH một thành viên Phương Thảo	0	0	0	0
Các khách hàng còn lại	6.301.000	0	2.077.405	0
b. Dài hạn	0	0	0	0
Cộng	325.801.000	0	31.777.405	0

Trong đó:

c. Các bên liên quan	0	0	0	0
-----------------------------	----------	----------	----------	----------

5. Phải thu khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.212.142.726	0	2.807.764.649	0
Tạm ứng cho công nhân viên	119.206.000	0	61.120.000	0
Các khoản phải thu khác	2.092.936.726	0	2.746.644.649	0
- UBND Tỉnh Lai Châu (Giá trị đầu tư điều chỉnh giảm sau Quyết toán vốn đầu tư dự án) (*)	1.872.938.396	0	1.872.938.396	0
- Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm	219.998.330	0	101.419.109	0
- Các khoản truy thu theo Kết luận thanh tra	0	0	772.287.144	0
b. Dài hạn	0	0	0	0
Cộng	2.212.142.726	0	2.807.764.649	0

Trong đó:

c. Phải thu khác là các bên liên quan				
- UBND Tỉnh Lai Châu	1.872.938.396	0	1.872.938.396	0

(*) Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang được điều chỉnh giảm giá trị quyết toán sau thời điểm Công ty chuyển đổi cổ phần hoá. Cho tới thời điểm 31/12/2025, UBND tỉnh Lai Châu chưa có văn bản về việc hạch toán điều chỉnh giảm giá trị quyết toán này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

6. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	660.000	0	93.930.000	0
Chi phí SX, KD dở dang	179.438.235	0	520.218.359	0
Hàng hóa	4.489.256.850	0	5.609.057.980	0
Cộng	4.669.355.085	0	6.223.206.339	0

7. Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a. Ngắn hạn	222.441.378	319.457.905
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	97.422.654	122.097.028
Các khoản khác	125.018.724	197.360.877
b. Dài hạn	3.590.627.675	2.848.066.731
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	549.943.350	665.925.333
Chi phí thay đồng hồ hết niên hạn sử dụng	2.048.125.826	532.352.197
Chi phí sửa chữa tài sản	750.787.006	1.188.799.078
Các khoản khác	241.771.493	460.990.123
Cộng	3.813.069.053	3.167.524.636

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2025	76.777.168.201	54.920.021.908	1.124.230.908	212.516.676.694	345.338.097.711
Mua trong năm	0	4.954.823.406	0	0	4.954.823.406
Tăng khác	0	7.272.727	0	0	7.272.727
Tại ngày 31/12/2025	76.777.168.201	59.882.118.041	1.124.230.908	224.031.852.949	361.815.370.099
HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại ngày 01/01/2025	24.216.152.239	26.369.580.524	654.083.548	85.996.844.979	137.236.661.290
Tăng trong năm	3.529.286.330	4.255.178.456	148.865.128	10.790.182.815	18.723.512.729
Tăng khác	0	890.535	0	0	890.535
Tại ngày 31/12/2025	27.745.438.569	30.625.649.515	802.948.676	96.787.027.794	155.961.064.554
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	52.561.015.962	28.550.441.384	470.147.360	126.519.831.715	208.101.436.421
Tại ngày 31/12/2025	49.031.729.632	29.256.468.526	321.282.232	127.244.825.155	205.854.305.545

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 15.833.353.414 VND (Tại ngày 31/12/2024 là 13.061.513.926 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2025	479.800.000	479.800.000
Tại ngày 31/12/2025	479.800.000	479.800.000
HAO MÒN LUYỆN KẾ		
Tại ngày 01/01/2025	479.800.000	479.800.000
Tăng trong năm	0	0
Tại ngày 31/12/2025	479.800.000	479.800.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	0	0
Tại ngày 31/12/2025	0	0

10. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn				
Cộng	0	0	0	0
b. Xây dựng cơ bản dở dang				
- Lắp bổ sung tuyến ống HDPE D110 Trần Hưng Đạo - Nguyễn Trãi GD1 (Từ rạp chiếu phim đến ngã tư Tôn Đức Thắng)	0	0	1.179.352.853	1.179.352.853
- Cài tạo, sửa chữa trạm xử lý nước Tà Lèng	354.552.076	354.552.076	0	0
- Lắp đặt hệ thống quan trắc nguồn nước thô và hệ thống điều khiển trung tâm các nhà máy tại CN Phong Thổ	76.677.036	76.677.036	0	0
Cộng	431.229.112	431.229.112	1.179.352.853	1.179.352.853

11. Phải trả người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	6.719.882.599	6.719.882.599	6.051.542.913	6.051.542.913
Công ty TNHH Một thành viên Phương Thảo	2.692.677.222	2.692.677.222	2.100.277.995	2.100.277.995
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Quý Phú	898.979.444	898.979.444	1.846.302.144	1.846.302.144
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng P&T Điện Biên	0	0	339.999.532	339.999.532
Công ty Cổ phần Kỹ thuật hạ tầng META	292.805.279	292.805.279	297.240.296	297.240.296
Đỗ Văn Trung	335.420.000	335.420.000	289.794.000	289.794.000
Công ty TNHH Sản Xuất và Thương mại Mỹ Phát	97.549.800	97.549.800	298.766.600	298.766.600

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngô Thị Phương	0	0	425.462.161	425.462.161
Lương Văn Ba	743.401.000	743.401.000	0	0
Trung tâm xét nghiệm thuộc trường đại học y tế cộng đồng	237.611.000	237.611.000	0	0
Hoàng Thế Hùng	215.909.005	215.909.005	0	0
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng công trình HHP Việt Nam	151.395.000	151.395.000	0	0
Các đối tượng khác	1.054.134.849	1.054.134.849	453.700.185	453.700.185
b. Dài hạn	0	0	0	0
Cộng	6.719.882.599	6.719.882.599	6.051.542.913	6.051.542.913
<i>Trong đó:</i>				
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	0	0	0	0
d. Các bên liên quan	0	0	0	0

12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	1.342.025.038	1.342.025.038	1.334.519.117	1.334.519.117
Ban Quản lý dự án Tp. Lai Châu	1.316.897.850	1.316.897.850	1.316.897.850	1.316.897.850
Các đối tượng khác	25.127.188	25.127.188	17.621.267	17.621.267
b. Dài hạn	0	0	0	0
Cộng	1.342.025.038	1.342.025.038	1.334.519.117	1.334.519.117
<i>Trong đó:</i>				
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	0	0	0	0
d. Các bên liên quan	0	0	0	0

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2025	Tăng	Giảm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	0	2.631.282.367	2.607.006.698	24.275.669
Thuế thu nhập doanh nghiệp	100.884.892	102.173.374	160.884.895	42.173.371
Thuế thu nhập cá nhân	0	8.053.503	6.215.103	1.838.400
Thuế tài nguyên	123.104.290	146.591.385	256.702.541	12.993.134
Thuế khác	0	7.000.000	7.000.000	0
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	372.353.925	3.497.209.550	3.527.272.082	342.291.393
Cộng	596.343.107	6.392.310.179	6.565.081.319	423.571.967
b. Phải thu				
Cộng	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

14. Chi phí phải trả	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a. Ngắn hạn	162.954.572	326.359.762
Trích trước phí kiểm toán	55.000.000	55.000.000
Trích trước chi phí sản xuất nước	107.954.572	191.359.762
Trích trước quỹ phòng chống thiên tai	0	47.000.000
Các khoản khác	0	33.000.000
b. Dài hạn	0	0
Cộng	162.954.572	326.359.762

15. Phải trả khác	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a. Ngắn hạn	9.066.903.130	9.175.573.032
Bảo hiểm xã hội	56.182.862	268.456.561
Bảo hiểm y tế	220.942	37.115.183
Bảo hiểm thất nghiệp	98.196	16.441.764
Phải trả về cổ phần hóa	5.875.634	5.875.634
Nhận ký cược, ký quỹ	257.326.900	101.450.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	28.864.420	27.886.567
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.718.334.176	8.718.347.323
- UBND tỉnh Lai Châu (vốn đầu tư dự án cấp bổ sung thực hiện dự án giai đoạn sau cổ phần hoá) (*)	8.707.337.232	8.707.337.232
- Phải trả khác	10.996.944	11.010.091
b. Dài hạn	0	0
c. Số nợ chưa thanh toán	0	0
<u>Trong đó:</u>		
d. Phải trả khác là các bên liên quan		
- UBND tỉnh Lai Châu	8.707.337.232	8.707.337.232

(*): Chi tiết vốn đầu tư dự án cấp bổ sung thực hiện dự án giai đoạn sau cổ phần hoá

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công trình cấp nước Thị trấn huyện Sin Hồ	4.801.652.784	4.801.652.784
- Công trình cấp nước Thành phố Lai Châu Giai đoạn I	1.159.881.306	1.159.881.306
- Công trình cấp nước Thành phố Lai Châu Giai đoạn II	2.745.803.142	2.745.803.142

16. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	0	0	1.301.396.939	1.291.291.100	10.105.839	10.105.839
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	0	0	1.270.565.996	1.270.565.996	0	0
Vay thế tín dụng của BIDV	0	0	30.830.943	20.725.104	10.105.839	10.105.839
b. Vay dài hạn	0	0	0	0	0	0
Cộng	0	0	1.301.396.939	1.291.291.100	10.105.839	10.105.839

Hợp đồng tín dụng số 01/2025/781388/HĐTĐ số 01/2024/781388/HĐTĐ ngày 22/01/2025 giữa Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- Số tiền vay: 1.270.565.996 đồng. (Số dư tiền vay tại 31/12/2025 là 0 VND)
- Mục đích vay: thanh toán tiền lương công nhân phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn vay: 01 tháng
- Lãi suất vay: 5,8%/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

Mẫu số B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Tại ngày 01/01/2024

Lợi nhuận năm trước

Tăng khác

Trích quỹ theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHCĐ ngày 26/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu

Chia cổ tức theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHCĐ ngày 26/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu

Tại ngày 31/12/2024

Tại ngày 01/01/2025

Lợi nhuận kỳ này

Trích quỹ theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHCĐ ngày 31/03/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu

Chia cổ tức theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHCĐ ngày 31/03/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu

Giảm khác

Tại ngày 31/12/2025

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	215.865.140.000	8.852	(200.000.000)	715.094.820	400.485.326	216.780.728.998
	0	0	0	0	399.772.898	399.772.898
	0	0	0	0	296.222.370	296.222.370
	0	0	0	117.737.736	(156.983.648)	(39.245.912)
	0	0	0	0	(235.475.474)	(235.475.474)
	215.865.140.000	8.852	(200.000.000)	832.832.556	704.021.472	217.202.002.880
	215.865.140.000	8.852	(200.000.000)	832.832.556	704.021.472	217.202.002.880
	0	0	0	0	411.897.889	411.897.889
	0	0	0	122.339.730	(163.119.640)	(40.779.910)
	0	0	0	0	(244.679.461)	(244.679.461)
	0	0	0	0	(8.737.888)	(8.737.888)
	215.865.140.000	8.852	(200.000.000)	955.172.286	699.382.372	217.319.703.510

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
UBND tỉnh Lai Châu	211.219.140.000	211.219.140.000
Vốn đầu tư của các cổ đông khác	4.646.000.000	4.646.000.000
Cộng	215.865.140.000	215.865.140.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	215.865.140.000	215.865.140.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	215.865.140.000	215.865.140.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	244.679.461	235.475.474

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.586.514	21.586.514
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.586.514	21.586.514
+ Cổ phiếu phổ thông	21.586.514	21.586.514
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.000	20.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000	20.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.566.514	21.566.514
+ Cổ phiếu phổ thông	21.566.514	21.566.514
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
a. Doanh thu		
Doanh thu cung cấp nước sạch	42.912.750.300	41.738.490.432
Doanh thu bán hàng hoá, lắp đặt mạng lưới cấp nước và doanh thu khác	4.862.543.388	3.671.174.106
Cộng	47.775.293.688	45.409.664.538

Trong đó:

b. Doanh thu đối với các bên liên quan	0	0
c. Doanh thu cho thuê tài sản ghi nhận trước một lần	0	0

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	35.927.477.123	33.565.087.173
Giá vốn hàng hoá đã bán, lắp đặt mạng lưới cấp nước và giá vốn khác	3.891.094.721	3.452.784.018
Cộng	39.818.571.844	37.017.871.191

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	648.213.365	513.678.039
Cộng	648.213.365	513.678.039

4. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.037.963	5.762.412
Cộng	4.037.963	5.762.412

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.962.649	0
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.650.000	122.796.000
Cộng	173.612.649	122.796.000

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	587.893.750	497.522.194
Chi phí nhân công	4.716.620.394	4.785.310.021
Chi phí khấu hao tài sản cố định	326.529.338	322.674.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.689.789	556.906.061
Chi phí khác bằng tiền	2.194.221.257	2.097.599.335
Cộng	7.849.954.528	8.260.011.612

7. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Truy thu tiền nước sử dụng trái phép	4.819.000	17.000.000
Thu bán phế liệu	15.000.000	0
Các khoản khác	3.870.779	223.112
Cộng	23.689.779	17.223.112

8. Chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản phạt hành chính và truy thu thuế	86.947.985	27.511.803
Các khoản khác	600	14.879
Cộng	86.948.585	27.526.682

9. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	102.173.374	106.824.894
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	102.173.374	106.824.894

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

(*): Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	514.071.263	506.597.792
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế TNDN	0	0
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế TNDN	86.948.585	27.526.682
Số lỗ chưa sử dụng (lỗ các năm trước được trừ vào lợi nhuận trước thuế)	0	0
Thu nhập chịu thuế TNDN trong năm	601.019.848	534.124.474
Thuế suất	17%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	102.173.374	106.824.894

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.229.117.776	4.888.216.584
Chi phí nhân công	13.807.676.299	14.756.082.767
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.364.939.763	17.203.431.986
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.474.207.158	3.523.704.348
Chi phí khác bằng tiền	2.862.053.970	2.938.578.134
Cộng	44.737.994.966	43.310.013.819

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính 2025 cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

2. Thông tin về các bên liên quan**a. Giao dịch với chủ sở hữu**

UBND tỉnh Lai Châu là cổ đông sở hữu 97,85% vốn điều lệ (tương đương 211.219.140.000 VND). Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch với UBND tỉnh Lai Châu chi tiết như sau:

Nội dung	Tại ngày 01/01/2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác	1.872.938.396	0	0	1.872.938.396
Phải trả khác	8.707.337.232	0	0	8.707.337.232
Chia cổ tức 2024	0	238.677.628	238.677.628	0

b. Giao dịch với thành viên chủ chốt

- Hội đồng quản trị và Ban giám đốc:

Nội dung	Tại ngày 01/01/2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Lương; Thù lao Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	260.633.919	1.240.363.672	1.259.345.069	241.652.522

- Ban kiểm soát:

Nội dung	Tại ngày 01/01/2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Lương; Thù lao Ban kiểm soát	69.842.278	394.570.864	387.681.420	76.731.722

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2025 trên Bảng cân đối kế toán và năm 2024 trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

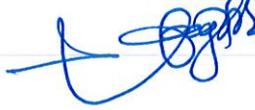
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

Lai Châu, ngày 10 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Phạm Văn Dũng

Đỗ Thuý An

Vi Văn Chung

